TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THANH MIỆN** **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 22/11/2023
"V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH MIỆN - HẢI DƯƠNG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Đào Quang Khuyến.
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Xuân Nghỉ, bà Đoàn Thị Chuyền.
- ***Thư ký phiên toà***: Ông Bùi Hoàng Anh - Thư ký Toà án nhân dân huyện Thanh Miện.
- ***Đại diện VKSND huyện Thanh Miện tham gia phiên toà***: Bà An Thị Hà Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 11 năm 2023, tại Trụ sở Toà án, Toà án nhân dân huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương, mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 166/2023/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 10 năm 2023 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 11 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Nhữ Thị M- sinh năm 1990
Nơi cư trú: Thôn A, xã H, huyện M, tỉnh D.
- *Bị đơn*: Anh Phạm Quang T- sinh năm 1982
Nơi cư trú: Thôn A, xã H, huyện M, tỉnh D.

(*Chị M, anh T đều có mặt*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện, quá trình khai tại Toà án và các tài liệu khác có tại hồ sơ, nguyên đơn chị Nhữ Thị M trình bày: Chị và anh Phạm Quang T được tự do tìm hiểu, tự nguyện, hai bên gia đình nhất trí, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Hùng Sơn (nay là thị trấn Thanh Miện), huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương ngày 18/9/2008. Sau khi kết hôn, cuộc sống vợ chồng hoà thuận, hạnh phúc đến năm 2017 thì bắt đầu mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống hàng ngày và trong làm ăn kinh tế không có tiếng nói chung, dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau. Tháng 6/2021 chị đã làm đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện Thanh Miện giải quyết ly hôn, sau đó chị đã rút đơn để vợ chồng đoàn tụ. Sau khi về chung sống vợ chồng tiếp tục mâu thuẫn, mâu thuẫn căng thẳng nhất từ tháng 8/2023 vợ chồng không chung sống với nhau, mỗi người ở một nhà, chị ở cùng với mẹ đẻ, anh T ở nhà của vợ chồng, không ăn chung, ngủ chung, kinh tế riêng biệt. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 8/2023 đến nay không quan tâm đến cuộc sống của nhau. Chị và anh T không có biện pháp nào để hàn

gắn mối quan hệ vợ chồng. Chị xác định cuộc sống chung không hạnh phúc và hiện chị không còn tình cảm với anh T nên chị khởi kiện xin ly hôn. Chị đề nghị Tòa án nhân dân huyện Thanh Miện giải quyết cho chị được ly hôn anh T để hai bên sớm ổn định cuốc sống riêng.

Về con chung: Chị và anh T có 02 con chung là cháu Phạm Thị Quỳnh M, sinh ngày 03/4/2009 và cháu Phạm Quang T, sinh ngày 07/12/2014. Cháu M có nguyện vọng ở với bố, cháu T có nguyện vọng ở với mẹ, chị đồng ý theo nguyện vọng của các con. Ly hôn chị đề nghị Tòa án giao cho chị trực tiếp nuôi dưỡng cháu T, giao cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng cháu M, hai bên không phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho nhau. Chị là lao động tự do buôn bán, thu nhập bình quân 15.000.000 đồng/tháng, mẹ chị vẫn khoẻ mạnh, sẵn sàng hỗ trợ cho chị nuôi con, vợ chồng đang ở trên đất của bố mẹ chị, sau khi ly hôn mẹ con chị sẽ ở cùng với mẹ chị. Chị cam kết đảm bảo cuộc sống tốt nhất cho con; Chị không yêu cầu Toà án giải quyết về quan hệ tài sản chung, nợ chung, công sức.

- Quá trình làm việc với Toà án, quá trình khai tại Toà án và các tài liệu khác có tại hồ sơ, bị đơn anh Phạm Quang T trình bày: Anh xác định về điều kiện, thời gian kết hôn thống nhất như phần trình bày của chị M. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hoà thuận, hạnh phúc đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do kinh tế, công việc khó khăn, bế tắc về tiền bạc, không có tiếng nói chung dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau. Mâu thuẫn căng thẳng nhất từ tháng 8/2023, vợ chồng không ở cùng nhau, mỗi người ở một nhà, chị M ở với mẹ đẻ, anh ở một mình, vợ chồng không ăn chung, ngủ chung, việc của ai người đó làm, tự chi tiêu, kinh tế riêng biệt, anh không đánh đập, chửi chị M, vợ chồng không có mâu thuẫn gì lớn. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 8/2023. Trong thời gian ly thân anh không có biện pháp nào để khắc phục, hàn gắn mâu thuẫn. Anh xác định tình cảm giữa anh và chị M vẫn còn, vợ chồng mâu thuẫn chưa đến mức phải ly hôn, anh đề nghị Tòa án hòa giải cho vợ chồng đoàn tụ để cùng nhau chăm lo xây dựng gia đình, nếu chị M cương quyết xin ly hôn thì anh vẫn không nhất trí ly hôn.

Về con chung: Anh và chị M có 02 con chung là cháu Phạm Thị Quỳnh M, sinh ngày 03/4/2009 và cháu Phạm Quang T, sinh ngày 07/12/2014. Anh đề nghị được nuôi dưỡng cả hai con, anh tự nguyện không yêu cầu chị M cấp dưỡng tiền nuôi con. Anh đang lái xe thuê, thu nhập bình quân 10.000.000 đồng/tháng. Anh cam kết đảm bảo điều kiện tốt nhất trong việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng các con đến khi trưởng thành. Anh không đề nghị Toà án giải quyết về quan hệ tài sản chung, nợ chung, công sức của vợ chồng.

Tại biên bản lấy lời khai của bà Nguyễn Thị M trình bày: Bà là mẹ đẻ của chị Nhữ Thị M là bà ngoại của cháu Phạm Thị Quỳnh M và cháu Phạm Quang T. Sau khi kết hôn, anh T chị M ở gia đình anh T được vài năm thì về ở cùng với ông bà tại thôn An Sơn, xã Hồng Quang, huyện Thanh Miện nhưng ở nhà riêng, ăn riêng, kinh tế riêng biệt. Anh T, chị M phát sinh nhiều mâu thuẫn. Chị M và anh T

sống ly thân từ tháng 8/2023, nay chị M xin ly hôn anh T, bà đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Anh chị có 02 con chung là cháu Phạm Thị Quỳnh M và Phạm Quang T. Bà đề nghị Tòa án giải quyết việc nuôi dưỡng con chung theo nguyện vọng của cháu M và cháu T. Trường hợp Toà án giao con cho chị M nuôi dưỡng, bà sẵng sàng hỗ trợ và tạo điều kiện để cho chị M chăm sóc con với điều kiện tốt nhất. Về tài sản, nợ chung, công sức, anh chị không có công sức đóng góp gì với bà.

Tại biên bản lấy lời khai của bà Nguyễn Thị S trình bày: Bà là mẹ đẻ của anh Phạm Quang T và là bà nội của cháu Phạm Thị Quỳnh M và cháu Phạm Quang T. Trong thời gian chung sống anh T, chị M đã xảy ra mâu thuẫn, ông bà đã nhiều lần góp ý, khuyên giải mong muốn anh chị đoàn tụ để tập chung nuôi con nhưng không được. Nay chị M xin ly hôn anh T, bà mong muốn Tòa án hòa giải để anh chị về đoàn tụ. Anh T, chị M có 02 con chung là cháu Phạm Thị Quỳnh M và cháu Phạm Quang T, cháu T đang ở với bố mẹ, cháu M hiện đang ở cùng với ông bà. Nếu anh chị ly hôn bà đề nghị Tòa án giải quyết theo nguyện vọng của anh T, chị M. Về tài sản, nợ chung, công sức anh T, chị M không có công sức đóng góp gì với ông bà.

Kết quả làm việc, xác minh tại chính quyền địa phương và các đoàn thể xã Hồng Quang xác định: Anh T, chị M có đăng ký kết hôn tại UBND xã Hùng Sơn (nay là thị trấn Thanh Miện), huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương ngày 18/9/2008. Trong thời gian vợ chồng chung sống tại thôn An Sơn, xã Hồng Quang, anh chị có mâu thuẫn, có mời thôn hòa giải về mâu thuẫn vợ chồng. Sau đó việc mâu thuẫn của anh T, chị M cụ thể như thế nào, địa phương không nắm được. Nay, chị M xin ly hôn anh T, đề nghị Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại biên bản lấy lời khai và bản tự khai của cháu Phạm Thị Quỳnh M và cháu Phạm Quang T trình bày: Cháu M có nguyện vọng được ở cùng với bố, cháu T có nguyện vọng ở cùng với mẹ khi bố mẹ ly hôn.

Tại phiên tòa chị Nhữ Thị M giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn và quan điểm về việc nuôi dưỡng con chung. Chị không yêu cầu giải quyết về tài sản chung, nợ chung, công sức.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Miện phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật. Trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa, Thẩm phán, Thư ký Tòa án và Hội đồng xét xử đã thực hiện theo đúng trình tự, thủ tục của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật từ khi thụ lý vụ án cho đến khi đưa vụ án ra xét xử.

Về việc giải quyết vụ án: Áp dụng Điều 51, 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nhữ Thị M được ly hôn anh Phạm Quang T.

Về con chung: Xử giao cháu Phạm Quang T, sinh ngày 07/12/2014 cho chị Nhữ Thị M trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi. Giao cháu Phạm Thị Quỳnh M, sinh ngày 03/4/2009 cho anh Phạm Quang T trực tiếp, trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi. Hai bên không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau. Chị M, anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Về tài sản chung, vay nợ, công sức: Chị M, anh T, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về án phí: Chị Nhữ Thị M phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Tại phiên tòa chị M, anh T đều có mặt, sau khi chủ tọa phiên tòa phổ biến xong phần thủ tục bắt đầu phiên tòa, đến phần tranh tụng thì anh bỏ về mặc dù Chủ tọa phiên tòa giải thích nhưng anh T vẫn tự ý bỏ về, HĐXX tiếp tục xét xử vụ án theo thủ tục chung. Nguyên đơn chị Nhữ Thị M có đơn khởi kiện xin ly hôn anh Phạm Quang T; Nơi cư trú: Thôn A, xã H, huyện M, tỉnh D; Quan hệ pháp luật là tranh chấp về Hôn nhân và gia đình quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Theo điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thanh Miện. Chị Nhữ Thị M nộp đơn khởi kiện, Tòa án nhân dân huyện Thanh Miện thụ lý giải quyết vụ án là đúng quy định.

[2]. *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Nhữ Thị M và anh Phạm Quang T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Hùng Sơn (nay là thị trấn Thanh Miện), huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương ngày 18/9/2008. Đây là hôn nhân hợp pháp. Trình bày của chị M phù hợp với lời khai của anh T và lời trình bày của người thân hai bên gia đình, nên có cơ sở xác định trong quá trình chung sống, chị M và anh T có nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, mâu thuẫn về kinh tế không có tiếng nói chung, dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau, cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc, vợ chồng ly thân từ tháng 08/2023, không quan tâm đến cuộc sống của nhau. Chị M xác định tình cảm giữa chị và anh T không còn, không thể hàn gắn được, chị đề nghị được ly hôn anh T. Anh T xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, mâu thuẫn chưa đến mức phải ly hôn nên anh không đồng ý ly hôn. Việc mâu thuẫn đã diễn ra nhiều năm, không có biện pháp khắc phục. Tháng 6/2021 chị M đã làm đơn xin ly hôn anh T, sau đó chị đã rút đơn nhưng đến nay vợ chồng vẫn không hòa hợp được, anh T mong muốn chị rút đơn để vợ chồng đoàn tụ nhưng anh không có biện pháp nào để hàn gắn mối quan hệ vợ chồng, không gặp gỡ động viên chị, tại phiên tòa anh bỏ về, chứng tỏ anh không thật sự thiện chí đoàn tụ cùng chị M. Nay chị M xác định không còn tình cảm với anh T, không có biện pháp để vợ chồng đoàn tụ. Từ những căn cứ nêu

trên, Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa chị M và anh T đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy cần xử cho chị Nhữ Thị M được ly hôn anh Phạm Quang T theo quy định tại Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] *Về con chung*: Chị Nhữ Thị M và anh Phạm Quang T có 02 con chung là cháu Phạm Thị Quỳnh M, sinh ngày 03/4/2009 và Phạm Quang T, sinh ngày 07/12/2014. Cháu M có nguyện vọng ở với bố, cháu T có nguyện vọng ở với mẹ. Ly hôn chị M đề nghị mỗi người nuôi một con, chị trực tiếp nuôi dưỡng cháu T, anh T trực tiếp nuôi dưỡng cháu M, hai bên không phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho nhau. Anh T không đồng ý với yêu cầu của chị M, anh đề nghị được nuôi dưỡng cả hai con, anh tự nguyện không yêu cầu chị M cấp dưỡng tiền nuôi con. Xét nguyện vọng của chị M, anh T thấy rằng: Chị M là lao động tự do, buôn bán, thu nhập 15 triệu đồng/tháng như vậy chị đủ điều kiện để nuôi con. Đối với anh T đang là lái xe thuê, thu nhập 10 triệu đồng/tháng cũng đủ điều kiện để nuôi con, chị M, anh T không thuộc trường hợp không đủ điều kiện nuôi con. Mặt khác cháu M có nguyện vọng ở cùng với bố, cháu T có nguyện vọng ở cùng với mẹ. Vì vậy để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chung, Hội đồng xét xử cần giao cháu T cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng, giao Mai cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng. Chị M, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau và vẫn có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở.

[4] *Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp*: Chị Nhữ Thị Mvà anh Phạm Quang T, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

[5] *Về án phí*: Chị Nhữ Thị M khởi kiện vụ án Hôn nhân và gia đình nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, Điều 81, 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

1- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nhữ Thị M được ly hôn anh Phạm Quang T.

2- Về con chung: Xử giao cháu Phạm Quang T, sinh ngày 07/12/2014 cho chị Nhữ Thị M trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi. Giao cháu Phạm Thị Quỳnh M, sinh ngày 03/4/2009 cho anh Phạm Quang T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi. Hai bên không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau. Chị M, anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3- Về tài sản chung, vay nợ, công sức đóng góp: Không xem xét giải quyết.

4- *Về án phí*: Chị Nhữ Thị M phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng, chị đã nộp theo biên lai số AA/2021/0001024 ngày 10/10/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương, chị M đã thực hiện xong nghĩa vụ về án phí ly hôn sơ thẩm.

5- *Về quyền kháng cáo*: Nguyên đơn chị M được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm ly hôn trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn anh T được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Thanh Miện;
- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện Thanh Miện;
- UBND thị trấn Thanh Miện, huyện Thanh Miện; (để ghi vào sổ hộ tịch).
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Đào Quang Khuyến